

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 270/GP ngày 16 tháng 11 năm 1991

Giấy chứng nhận Đầu tư số 472033000328 (điều chỉnh lần 1) ngày 28 tháng 11 năm 2007
472033000328 (điều chỉnh lần 2) ngày 20 tháng 5 năm 2010
472033000328 (điều chỉnh lần 3) ngày 22 tháng 4 năm 2011
472033000328 (điều chỉnh lần 4) ngày 18 tháng 10 năm 2011

Giấy phép đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy phép đầu tư số 270 CPH/GCNDDC3-BHK ngày 23 tháng 8 năm 2006. Giấy phép đầu tư và các điều chỉnh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và có giá trị trong 50 năm.

Giấy chứng nhận đầu tư do Ban quản lý Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày của giấy phép đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Michio Nagabayashi	Chủ tịch
	Ryoichi Yonemura	Thành viên (đến ngày 12 tháng 4 năm 2012)
	Hiroshi Fujikawa	Thành viên
	Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên
	Pang Tze Wei	Thành viên
	Toru Yamasaki	Thành viên (từ ngày 12 tháng 4 năm 2012)

Ban Giám đốc	Michio Nagabayashi	Tổng Giám đốc
	Hajime Kobayashi	Giám đốc/Giám đốc Kế hoạch
	Kazufumi Nagashima	Giám đốc/Giám đốc Nhà máy
	Hidefumi Matsuo	Giám đốc/Kiểm soát Tài chính
	Nguyễn Thị Kim Liên	Giám đốc/Giám đốc Tài chính

Trụ sở đăng ký Lô 13, Khu Công nghiệp Tam Phước
Thành phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Báo cáo của Hội đồng Quản trị

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đối với các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, được trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan cho từng giai đoạn tài chính, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc có trách nhiệm:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- xác định rõ đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán thích hợp hay không; và
- lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và do đó thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm, các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, và các kết quả hoạt động kinh doanh, thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Michio Nagabayashi
Chủ tịch – kiêm Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc của Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 28 tháng 8 năm 2012, trình bày từ trang 4 đến trang 35. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi. Các báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và báo cáo kiểm toán phát hành ngày 24 tháng 3 năm 2012 trình bày ý kiến kiểm toán không loại trừ đối với các báo cáo tài chính riêng này. Ngoài ra, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 và các thuyết minh kèm theo được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và báo cáo soát xét phát hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 trình bày kết luận soát xét không loại trừ đối với các báo cáo tài chính này.

Chúng tôi đã thực hiện soát xét theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam Số 910 về Công tác Soát xét Báo cáo tài chính. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm phỏng vấn nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do vậy việc soát xét cung cấp mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện kiểm toán và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận

Dựa trên công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 12-01-204

Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0304/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Chong Kwang Puay
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2012

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 USD	31/12/2011 USD (Trình bày lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		18.126.164	17.702.792
Tiền	110	4	1.713.502	1.966.861
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	8.199.592	8.985.798
Phải thu khách hàng	131		570.025	416.546
Trả trước cho người bán	132		371.517	226.336
Phải thu nội bộ	133		6.914.237	8.338.485
Các khoản phải thu khác	135		343.813	4.431
Hàng tồn kho	140	6	8.011.694	6.598.018
Hàng tồn kho	141		8.085.231	6.598.018
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(73.537)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		201.376	152.115
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.099	3.323
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	7	106.907	106.907
Tài sản ngắn hạn khác	158		83.370	41.885
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		19.078.044	18.418.110
Các khoản phải thu dài hạn	210	5	1.200.000	-
Phải thu dài hạn nội bộ	213		1.200.000	-
Tài sản cố định	220		11.407.775	11.863.783
Tài sản cố định hữu hình	221	8	11.035.924	11.523.109
Nguyên giá	222		23.820.444	23.553.248
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.784.520)	(12.030.139)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	371.851	340.674
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	4.500.000	4.500.000
Đầu tư vào công ty con	251		4.500.000	4.500.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.970.269	2.054.327
Chi phí trả trước dài hạn	261		37.907	-
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	11	1.932.362	2.054.327
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		37.204.208	36.120.902

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 USD	31/12/2011 USD (Trình bày lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		28.872.149	27.872.047
Nợ ngắn hạn	310		18.773.650	24.234.562
Vay ngắn hạn	311	12	13.500.000	19.000.000
Phải trả người bán	312	13	4.058.476	3.102.650
Người mua trả tiền trước	313		168.600	151.256
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	37.477	136.574
Phải trả người lao động	315		331.980	336.314
Chi phí phải trả	316	15	594.753	414.678
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	82.364	1.093.090
Vay và nợ dài hạn	330		10.098.499	3.637.485
Phải trả dài hạn khác	333		1.255	1.255
Vay dài hạn	334	17	9.930.928	3.430.928
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	18	166.316	205.302
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		8.332.059	8.248.855
Vốn chủ sở hữu	410		8.332.059	8.248.855
Vốn cổ phần	411	19	18.313.995	18.313.995
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.082.759	4.082.759
Lỗi lũy kế	420		(14.064.695)	(14.147.899)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		37.204.208	36.120.902

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2012 USD	31/12/2011 USD
Ngoại tệ (VND)	675.296	259.608

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Hồng Phong
Kế toán trưởng

Michio Nagabayashi
Chủ tịch – kiêm Tổng Giám đốc

ngày 28 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 02a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 USD	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 USD
Tổng doanh thu	01	20	22.899.476	24.777.211
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	(672.926)	(633.556)
Doanh thu thuần (10 = 01 + 02)	10	20	22.226.550	24.143.655
Giá vốn hàng bán	11	21	(17.394.887)	(19.885.546)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	20		4.831.663	4.258.109
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	90.194	1.736.594
Chi phí tài chính	22	23	(227.505)	(1.853.494)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(173.668)</i>	<i>(794.304)</i>
Chi phí bán hàng	24		(4.264.970)	(3.998.495)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(636.507)	(890.711)
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25)	30		(207.125)	(747.997)
Thu nhập khác	31	24	583.902	54.820
Chi phí khác	32		(171.608)	(119.961)
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		412.294	(65.141)
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (50 = 30 + 40)	50		205.169	(813.138)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	(121.965)	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	25	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế (60 = 50 + 51 + 52)	60		83.204	(813.138)

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Hồng Phong
Kế toán trưởng

Michio Nagabayashi
Chủ tịch – kiêm Tổng Giám đốc

ngày 28 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2012

	Vốn cổ phần USD	Thặng dư vốn cổ phần USD	Lỗ lũy kế USD	Tổng cộng USD
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 – Đã trình bày trước đây	18.313.995	4.082.759	(10.705.863)	11.690.891
Ảnh hưởng của điều chỉnh năm trước (Thuyết minh 30)	-	-	(82.500)	(82.500)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 – Trình bày lại	18.313.995	4.082.759	(10.788.363)	11.608.391
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(813.138)	(813.138)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	18.313.995	4.082.759	(11.601.501)	10.795.253
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 – Trình bày lại	18.313.995	4.082.759	(14.147.899)	8.248.855
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	83.204	83.204
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	18.313.995	4.082.759	(14.064.695)	8.332.059

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Hồng Phong
Kế toán trưởng

Michio Nagabayashi
Chủ tịch – kiêm Tổng Giám đốc

ngày 28 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm
2012 – Phương pháp gián tiếp

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 USD	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 USD
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		205.169	(813.138)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		756.288	762.262
Các khoản dự phòng	03		122.687	159.320
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	561.796
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	05		(81.271)	(457.491)
Chi phí lãi vay	06		173.668	794.304
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.176.541	1.007.053
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(384.361)	(582.157)
Biến động hàng tồn kho	10		(1.487.213)	(215.236)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		930.159	(1.727.442)
Biến động chi phí trả trước	12		(7.776)	(39.006)
			227.350	(1.556.788)
Lãi vay đã trả	13		(152.875)	(784.179)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		74.475	(2.340.967)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(338.187)	(143.212)
Thu lãi tiền gửi	27		10.353	6.901
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(327.834)	(136.311)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2012 – Phương pháp gián tiếp (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 USD	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 USD
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		-	24.190.387
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(21.260.203)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		-	2.930.184
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(253.359)	452.906
Tiền đầu kỳ	60		1.966.861	117.731
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	4	1.713.502	570.637

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 USD	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 USD
Cần trừ các khoản phải thu thương mại với các khoản thanh toán nợ vay gốc từ công ty con	299.934	231.523
Chuyển từ phải trả khác sang vay ngắn hạn	1.000.000	-

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Hồng Phong
Kế toán trưởng

Michio Nagabayashi
Chủ tịch – kiêm Tổng Giám đốc

ngày 28 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 09a – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là chế biến nông sản và thủy sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, ướp muối và ngâm dấm; sản xuất bánh quy, thức ăn nhẹ, nước ép trái cây có gas và nước ép trái cây có nồng độ cồn thấp dưới 5%, nước tinh lọc đóng chai và chai nhựa PET; và sản xuất bao bì dùng cho thực phẩm và nước giải khát.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết Số 61/UBCK-GPNY do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty có 1.088 nhân viên (31/12/2011: 674 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Báo cáo về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Công ty duy trì đơn vị tiền tệ kế toán là đồng Đô la Mỹ (“USD”) và trình bày các báo cáo tài chính bằng USD theo sự phê duyệt của Bộ Tài chính trong Công văn Số 550 TC/CDKT ngày 5 tháng 9 năm 1998.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác USD được quy đổi sang USD theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác USD trong kỳ được quy đổi sang USD theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 10 (“CMKT 10”) – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| ▪ Máy móc và thiết bị | 10 – 15 năm |
| ▪ Phương tiện vận chuyển | 6 năm |
| ▪ Thiết bị văn phòng | 10 năm |

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ không đủ điều kiện ghi nhận vào tài sản cố định hữu hình theo các quy định pháp lý của Việt Nam do nguyên giá thấp hơn 10 triệu VND thì được phân loại vào chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(i) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2012 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(k) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích cung cấp các thông tin thuyết minh về mức trọng yếu của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm bán lại hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính không phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính không phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính không phải sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Theo các yêu cầu thuyết minh trên, tiền gửi ngân hàng được phân loại là tài sản nắm giữ đến ngày đáo hạn và tất cả các tài sản tài chính khác được phân loại là các khoản cho vay và phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

- được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm bán lại hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Theo các yêu cầu thuyết minh trên, tất cả các nợ phải trả tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(I) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(m) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Các công ty liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

(q) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

4. Tiền

	30/6/2012	31/12/2011
	USD	USD
Tiền mặt	9.527	9.014
Tiền gửi ngân hàng	1.703.975	1.957.847
	<hr/>	<hr/>
	1.713.502	1.966.861
	<hr/>	<hr/>

Tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 bao gồm số ngoại tệ xấp xỉ 1.038.206 USD (31/12/2011: 1.707.253 USD).

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

5. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Các khoản phải thu nội bộ bao gồm:

	30/6/2012	31/12/2011
	USD	USD
Phải thu ngắn hạn		
Khoản vay ngắn hạn cấp cho công ty liên quan (a)	6.914.237	8.198.121
Phải thu khác	-	140.364
	<hr/>	<hr/>
	6.914.237	8.338.485
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
Phải thu dài hạn		
Khoản vay dài hạn cấp cho công ty liên quan (b)	1.200.000	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

- (a) Khoản phải thu từ công ty liên quan trình bày khoản vay ngắn hạn phải thu từ Công ty Cổ phần Avafood (“Avafood”), một công ty con.

Khoản vay ngắn hạn cấp cho Avafood có hạn mức tín dụng là 7 triệu USD không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm là Libor + 1%. Lãi suất năm áp dụng trong kỳ dao động từ 1,731% đến 1,896% (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011: 1,732%/năm cho các khoản vay bằng USD)

- (b) Khoản vay dài hạn cấp cho công ty liên quan phản ánh khoản cho vay dài hạn cho Avafood, khoản vay này không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm cố định là 1,896% trong kỳ. Khoản nợ gốc và các khoản lãi vay phát sinh sẽ đến hạn vào tháng 5 năm 2017.

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	30/6/2012	31/12/2011
	USD	USD
Phải thu hỗ trợ các hoạt động bán hàng từ Kirin Holdings Singapore Pte, Ltd. (c)	309.185	-
Phải thu khác	34.628	4.431
	<hr/>	<hr/>
	343.813	4.431
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

- (c) Khoản phải thu này trình bày khoản hỗ trợ tài chính cho các hoạt động bán hàng của Kirin Holdings Singapore Pte, Ltd., một công ty liên quan, khoản phải thu này dự kiến sẽ nhận được trong năm 2012.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

6. Hàng tồn kho

	30/6/2012	31/12/2011
	USD	USD
Nguyên vật liệu	2.177.827	1.874.082
Công cụ và dụng cụ	405.603	410.133
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.204.296	618.363
Thành phẩm	4.297.505	3.695.440
	<hr/>	<hr/>
	8.085.231	6.598.018
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(73.537)	-
	<hr/>	<hr/>
	8.011.694	6.598.018
	<hr/>	<hr/>

Số dư cuối kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho phản ánh khoản dự phòng được lập trong kỳ.

7. Thuế và các khoản khác phải thu từ Ngân sách Nhà nước

Thuế và các khoản khác phải thu từ Ngân sách Nhà nước phản ánh thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả thừa trong các năm trước, khoản này sẽ được cần trừ với thuế thu nhập phải nộp trong các năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

8. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị USD	Phương tiện vận chuyển USD	Thiết bị văn phòng USD	Tổng cộng USD
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	22.829.655	501.033	222.560	23.553.248
Tăng trong kỳ	149.594	80.776	36.826	267.196
Số dư cuối kỳ	22.979.249	581.809	259.386	23.820.444
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	11.455.448	441.581	133.110	12.030.139
Khấu hao trong kỳ	728.266	16.004	10.111	754.381
Số dư cuối kỳ	12.183.714	457.585	143.221	12.784.520
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	11.374.207	59.452	89.450	11.523.109
Số dư cuối kỳ	10.795.535	124.224	116.165	11.035.924

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 1.792.087 USD đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 1.491.711 USD).

Giá trị ghi sổ của một số thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 1.415.447 USD (31/12/2011: 1.566.524 USD).

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 USD	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 USD
Số dư đầu kỳ	340.674	188.896
Tăng trong kỳ	31.177	299.913
Số dư cuối kỳ	371.851	488.809

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

10. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con phản ánh khoản đầu tư 90% vốn cổ phần vào Công ty Cổ phần Avafood, một công ty có các hoạt động chính là cung cấp dịch vụ gia công và sản xuất các sản phẩm bao gồm nước trái cây, nước đóng chai, bánh quy, mứt và các loại kẹo, và các sản phẩm chế biến từ nông sản và thủy sản cũng như gia cầm và cho thuê phân xưởng theo Giấy phép Đầu tư số 48/GP-ĐN do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 19 tháng 7 năm 2002.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế mang sang.

(ii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2012		31/12/2011	
	Chênh lệch tạm thời USD	Giá trị tính thuế USD	Chênh lệch tạm thời USD	Giá trị tính thuế USD
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	651.150	162.788	519.545	129.886
Lỗ tính thuế	6.540.512	1.635.128	6.540.512	1.635.128
	7.191.662	1.797.916	7.060.057	1.765.014

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ USD
2013	Chưa quyết toán	11.379.352
2014	Chưa quyết toán	29.892
2016	Chưa quyết toán	2.860.716
		14.269.960

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

12. Vay ngắn hạn

	30/6/2012	31/12/2011
	USD	USD
Khoản vay từ Kirin Holdings Company, Limited	13.500.000	19.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn không được đảm bảo hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất danh nghĩa	30/6/2012	31/12/2011
			USD	USD
Khoản vay 1	USD	LIBOR + 0,8%/năm	7.000.000	7.000.000
Khoản vay 2	USD	LIBOR + 1%/năm	2.500.000	2.500.000
Khoản vay 3	USD	LIBOR + 1%/năm	3.000.000	3.000.000
Khoản vay 4	USD	LIBOR + 1%/năm	-	6.500.000
Khoản vay 5	USD	LIBOR + 1%/năm	1.000.000	-
			13.500.000	19.000.000

Trong kỳ, lãi suất năm áp dụng cho các khoản vay này dao động từ 1,456% đến 1,928% (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011: từ 1,425% đến 1,749%).

13. Các khoản phải trả – thương mại

Bao gồm trong các khoản phải trả – thương mại có các khoản phải trả các công ty liên quan như sau:

	30/6/2012	31/12/2011
	USD	USD
Phải trả Công ty TNHH Nước giải khát Kirin Việt Nam	175.841	-
Phải trả các bên liên quan khác	-	1.206.409

Khoản phải trả Công ty TNHH Nước giải khát Kirin Việt Nam là phí gia công chế biến phải trả, khoản phải trả này không được đảm bảo, không chịu lãi và hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2012	31/12/2011
	USD	USD
Thuế giá trị gia tăng	9.756	98.116
Thuế xuất nhập khẩu	3.421	-
Thuế thu nhập cá nhân	9.397	19.729
Thuế nhà thầu nước ngoài	14.903	18.729
	<hr/>	<hr/>
	37.477	136.574
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

15. Chi phí phải trả

	30/6/2012	31/12/2011
	USD	USD
Phí vận chuyên	227.843	143.072
Chiết khấu và hoa hồng bán hàng	56.091	46.724
Lãi vay phải trả	113.623	92.830
Phí biệt phái nhân sự phải trả (*)	178.953	94.838
Chi phí khác	18.243	37.214
	<hr/>	<hr/>
	594.753	414.678
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(*) Theo Hợp đồng Biệt phái nhân sự ngày 1 tháng 7 năm 2011, Công ty đã đồng ý trả phí biệt phái nhân sự cho Kirin Holdings Company, Limited, là đơn vị đã cung cấp tư vấn quản trị và chiến lược, và hỗ trợ Công ty với một mức phí cố định được quy định trong hợp đồng với từng nhân sự được biệt phái.

16. Phải trả khác

Khoản phải trả khác bao gồm:

	30/6/2012	31/12/2011
	USD	USD
Cổ tức phải trả	24.265	24.265
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	58.099	8.002
Phải trả các công ty liên quan	-	1.031.901
Phải trả khác	-	28.922
	<hr/>	<hr/>
	82.364	1.093.090
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Bao gồm trong các khoản phải trả khác có các khoản phải trả các công ty liên quan như sau:

	30/06/2012	31/12/2011
	USD	USD
Phải trả Kirin Holdings Company, Limited (*)	-	1.000.000
Phải trả Wonderfarm Biscuits & Confectionery Sdn. Bhd.	-	31.901

(*) Trong kỳ, khoản phải trả này đã được chuyển thành khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng vay ngày 27 tháng 11 năm 2011 (Thuyết minh số 12).

17. Vay dài hạn

	Loại tiền	Lãi suất	Năm	30/6/2012	31/12/2011
			đáo hạn	USD	USD
Khoản vay từ Trade Ocean Holdings Sdn. Bhd. (a)	USD	lãi suất SIBOR 3 tháng – 1% /năm	2014	3.430.928	3.430.928
Khoản vay không đảm bảo từ Kirin Holdings Company, Limited (b)	USD	1,896% /năm	2017	6.500.000	-
				9.930.928	3.430.928

(a) Khoản vay này không được đảm bảo và chịu lãi suất 0% trong kỳ vì lãi suất SIBOR 3 tháng trừ 1% là số âm (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011: 0%).

(b) Khoản vay không được đảm bảo này chịu lãi suất cố định 1,986%/năm, là lãi suất được xác định dựa trên cơ sở lãi suất USD Swap Semi 30/360 5-năm cộng 0,8% theo nguyên tắc tài chính hiện tại của Tập đoàn Kirin.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

18. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	2012 USD
Số dư đầu kỳ - Trình bày lại	205.302
Dự phòng lập trong kỳ	49.150
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(88.136)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	166.316

Trong kỳ, Công ty đã đóng góp 18.240 USD (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011: 44.620 USD) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	USD	Số cổ phiếu	USD
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	291.409.992	18.314.000	291.409.992	18.314.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	291.409.984	18.313.995	291.409.984	18.313.995

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có bất kỳ khoản biến động vốn cổ phần nào trong kỳ.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

20. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 USD	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 USD
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu từ nước giải khát	20.925.789	21.961.557
▪ Doanh thu từ bánh quy	644.344	683.210
▪ Doanh thu từ các sản phẩm khác	1.329.343	2.132.444
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(662.408)	(622.828)
▪ Hàng bán bị trả lại	(10.518)	(10.728)
Doanh thu thuần	22.226.550	24.143.655

21. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 USD	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 USD
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Giá vốn của nước giải khát	15.796.192	16.733.259
▪ Giá vốn của bánh quy	709.758	748.327
▪ Giá vốn của các sản phẩm khác	888.937	2.403.960
	17.394.887	19.885.546

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 USD	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 USD
Thu nhập lãi tiền gửi	10.353	6.901
Thu nhập lãi vay từ khoản vay cấp cho Avafood	70.918	450.590
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.923	1.279.103
	<hr/>	<hr/>
	90.194	1.736.594
	<hr/>	<hr/>

23. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 USD	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 USD
Chi phí lãi vay	173.668	794.304
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	53.837	489.516
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	561.796
Chi phí tài chính khác	-	7.878
	<hr/>	<hr/>
	227.505	1.853.494
	<hr/>	<hr/>

24. Thu nhập khác

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 USD	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 USD
Khoản hỗ trợ cho các hoạt động bán hàng nhận từ Kirin Holdings Singapore Pte, Ltd. (Thuyết minh số 5)	309.185	-
Thu nhập khác	274.717	54.820
	<hr/>	<hr/>
	583.902	54.820
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

25. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 USD	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 USD
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	121.965	-
	<hr/>	<hr/>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 USD	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 USD
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	205.169	(813.138)
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	51.292	(203.285)
Chi phí không được khấu trừ thuế	37.771	32.432
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	32.902	170.853
	<hr/>	<hr/>
	121.965	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (1994). Do đó, từ năm 2006 trở đi công ty phải đóng thuế thu nhập theo thuế suất là 25%.

Theo Nghị định số 24/2007/ND-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007 (Nghị định này thay cho Nghị định số 164/2003/ND-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003), Công ty được hưởng ưu đãi thuế do việc dời địa điểm hoạt động kinh doanh về khu vực ngoại ô. Trong năm 2006, Công ty đã dời một trong các dây chuyền sản xuất của Công ty từ Thành phố Biên Hòa ra Khu Công nghiệp Tam Phước, thành phố Biên Hòa. Theo đó, lợi nhuận phát sinh từ dây chuyền sản xuất này sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Cũng theo Nghị định này, Công ty được hưởng ưu đãi thuế đối với các khoản đầu tư vào dây chuyền sản xuất mới đủ điều kiện của Nghị định này. Khoản ưu đãi thuế này bao gồm một năm miễn thuế thu nhập doanh nghiệp và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo áp dụng cho lợi nhuận của dây chuyền sản xuất mới này.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Theo Nghị định số 124/2008/ND-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 (Nghị định này thay cho nghị định số 24/2007/ND-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007) và Nghị định 122/2011ND -CP ngày 27 tháng 12 năm 2012 (cung cấp một số điều chỉnh đối với Nghị định hiện hành số 124/2008/ND-CP), Công ty sẽ tiếp tục được hưởng ưu đãi thuế theo Nghị định số 24/2007/ND -CP ngày 14 tháng 2 năm 2007.

Theo Công văn số 11924/TC-CST do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 10 năm 2004, Công ty được giảm 50% trong 2 năm sau khi niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đã hoàn tất việc đăng ký với cơ quan thuế để được áp dụng các khoản ưu đãi thuế này bắt đầu từ năm 2007.

26. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường.

Phần này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro trong các rủi ro trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để hạch toán và quản lý rủi ro.

Khung quản lý rủi ro

Ban lãnh đạo có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban lãnh đạo có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2012 USD	31/12/2011 USD
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	1.703.975	1.957.847
Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác	(iii)	7.828.075	8.759.462
Vay dài hạn phải thu	(iv)	1.200.000	-
		10.732.050	10.717.309

(ii) Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu phản ánh rủi ro tín dụng tối đa liên quan đến các khoản phải thu.

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó hầu hết các khách hàng phải thực hiện thanh toán trước khi hàng hóa được giao. Chỉ những khách hàng được xem là có độ tin cậy cao mới được Ban Giám đốc cấp hạn mức tín dụng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 đến 45 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn 1 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, không cần thiết phải lập dự phòng nợ khó đòi cho các khoản phải thu thương mại và phải thu khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	30/6/2012	31/12/2011
	USD	USD
Trong hạn	8.695.932	8.602.581
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	227.862	105.435
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	68.801	47.337
Quá hạn trên 180 ngày	35.480	4.109
	<hr/>	<hr/>
	9.028.075	8.759.462
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(iv) Vay dài hạn phải thu và phải thu từ công ty con

Công ty tin rằng các khoản phải thu từ công ty con sẽ được hoàn trả đầy đủ vào ngày đáo hạn trong năm 2017.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty. Công ty cũng quản lý các khoản vay từ các công ty liên quan bằng cách quản lý các điều khoản tài chính với các công ty liên quan.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, các khoản nợ tài chính ngắn hạn đáo hạn trong vòng 1 năm. Các khoản nợ tài chính dài hạn có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ USD	Dòng tiền theo hợp đồng USD	Trong vòng 1 năm USD	1 – 2 năm USD	2 – 5 năm USD
Vay dài hạn	9.930.928	10.424.915	10.270	123.240	10.291.405
	<hr/> <hr/>				

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng như sau:

- Hạn mức vay ngắn hạn 5 triệu USD và hạn mức vay dài hạn 9 triệu USD được tự động gia hạn theo lựa chọn của Công ty. Lãi vay phải trả hàng năm theo lãi suất lần lượt là Libor + 1% và Libor + 0,8%.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Công ty có rủi ro hối đoái từ các giao dịch mua và bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là VND.

Rủi ro hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc tham gia vào các giao dịch tiền tệ để xử lý việc mức rủi ro hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro hối đoái. Các số dư sau đây được trình bày bằng đơn vị tiền tệ gốc:

	VND
Tiền	14.064.869.924
Phải thu khách hàng	9.044.497.621
Các khoản phải thu khác	9.883.993
Ký quỹ ngắn hạn	1.570.840.914
Phải trả người bán	(42.635.546.686)
Các khoản phải trả, phải nộp khác	(1.690.888.246)
Phải trả người lao động	(6.914.479.440)
	<hr/>
	(26.550.821.920)
	<hr/>

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2012	30/6/2011
USD 1	20.828	20.618

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2012. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

**Tăng lợi
nhuận thuần
tại 30/6/2012
USD**

VND (yếu đi 1%)

9.738

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

(ii) *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, khoản vay 6.914.237 USD cấp cho công ty liên quan, khoản vay ngắn hạn 13.500.000 USD và khoản vay dài hạn 3.430.928 USD phải trả cho công ty liên quan chịu lãi suất thả nổi. Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm tương đương 38.000 USD lợi nhuận thuần của công ty trong giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012.

(e) *Giá trị hợp lý*

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính theo Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 do (i) các khoản tài sản và nợ phải trả tài chính này vẫn chưa có giá niêm yết trên thị trường; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không đưa ra hướng dẫn cụ thể nào về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 USD	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 USD
<i>Các cổ đông</i>		
Trade Ocean Holdings Sdn. Bhd.		
Công ty mẹ		
Vay dài hạn	-	3.430.928
<i>Các công ty liên quan</i>		
Kirin Holding Company, Limited		
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Vay ngắn hạn nhận được	-	7.000.000
Chuyển từ phải trả khác sang vay ngắn hạn	1.000.000	-
Chuyển từ vay ngắn hạn sang vay dài hạn	6.500.000	-
Chi phí lãi vay	173.668	10.125
Phí biệt phái nhân sự	178.953	-
Công ty Cổ phần Avafood		
Khoản vay ngắn hạn	777.799	2.431.269
Thu nhập lãi vay	70.918	438.531
Phí gia công chế biến	835.718	1.258.461
Phí thuê nhà máy và văn phòng	142.304	143.240
Bán nước giải khát	-	14.149
Giá trị còn lại của tài sản Avafood thế chấp cho khoản vay của Công ty	-	8.907.328
Kirin Holding Singapore Pte, Ltd.		
Hỗ trợ tài chính cho các hoạt động bán hàng	309.185	-
Hỗ trợ khác	30.202	-
Công ty Nước giải khát Kirin Việt Nam		
Mua hàng hóa	756.786	-
Phí gia công	625.023	-
Hội đồng quản trị		
Tiền lương và thưởng	-	4.001
Công tác phí cho Ban Giám đốc	-	7.275

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Giá trị giao dịch

Giai đoạn sáu tháng từ	Giai đoạn sáu tháng từ
1/1/2012 đến	1/1/2011 đến
30/6/2012	30/6/2011
USD	USD

Ban Giám đốc

Phí biệt phái nhân sự	108.000	-
Tiền lương	43.643	268.300

28. Cam kết

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

Giai đoạn sáu tháng từ	Giai đoạn sáu tháng từ
1/1/2012 đến	1/1/2011 đến
30/6/2012	30/6/2011
USD	USD

Trong vòng một năm	527.529	395.710
Trong vòng hai đến năm năm	1.138.430	1.139.229
Trên năm năm	1.437.552	939.066

	3.103.511	2.474.005
--	-----------	-----------

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

Giai đoạn sáu tháng từ	Giai đoạn sáu tháng từ
1/1/2012 đến	1/1/2011 đến
30/6/2012	30/6/2011
USD	USD

Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	16.212.053	17.144.678
Chi phí nhân công	2.192.136	2.002.796
Chi phí khấu hao	605.204	643.168
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.521.272	3.080.144
Chi phí khác	1.551.581	2.062.633

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

30. Điều chỉnh số liệu năm trước

Công ty đã điều chỉnh hồi tố các báo cáo tài chính của năm trước nhằm sửa đổi các sai sót liên quan đến việc ghi nhận thiếu dự phòng trợ cấp thôi việc.

Bảng cân đối kế toán

	31/12/2011 (đã trình bày trước đây) USD	Điều chỉnh USD	31/12/2011 (trình bày lại) USD
Dự phòng trợ cấp thôi việc	122.802	82.500	205.302
Lỗi lũy kế	(14.065.399)	(82.500)	(14.147.899)

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Hồng Phong
Kế toán trưởng

Michio Nagabayashi
Chủ tịch – kiêm Tổng Giám đốc

ngày 28 tháng 8 năm 2012